

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K4
Tháng 9/2015

TT	Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	8	4.016	4.105	89	1.965	174.849	
2	102	8	4.136	4.211	75	1.965	147.345	
3	103	8	1.937	2.064	127	1.965	249.504	
4	104	8	4.448	4.497	49	1.965	96.265	
5	105	8	2.554	2.630	76	1.965	149.310	
6	106	8	3.730	3.901	171	1.965	335.947	
7	107	PSHC				1.965	0	
8	108		1.031	1.071		1.965	0	
9	109	8	2.694	2.811	117	1.965	229.858	
10	110	8	3.004	3.092	88	1.965	172.885	
11	111	8	4.268	4.391	123	1.965	241.646	
12	112	8	4.131	4.269	138	1.965	271.115	
13	113	8	3.472	3.579	107	1.965	210.212	
14	114	8	2.810	2.943	133	1.965	261.292	
15	201	8	3.378	3.481	103	1.965	202.354	
16	202	8	4.149	4.259	110	1.965	216.106	
17	203	8	3.956	4.117	161	1.965	316.301	
18	204	8	6.635	6.741	106	1.965	208.248	
19	205	8	4.322	4.407	85	1.965	166.991	
20	206	8	6.219	6.330	111	1.965	218.071	
21	207	8	4.759	4.878	119	1.965	233.787	
22	208	8	3.945	4.061	116	1.965	227.894	
23	209	8	5.273	5.384	111	1.965	218.071	
24	210	4 Campuchia	6.783	6.853	70	1.965	137.522	
25	211	7	4.066	4.205	139	1.965	273.079	
26	212	2 Campuchia	4.378	4.443	65	1.965	127.699	
27	213	8	5.482	5.651	169	1.965	332.017	
28	214	4 Campuchia	6.819	6.945	126	1.965	247.540	
29	301	0	3.457	3.457	0	1.965	0	
30	302	8	3.915	3.991	76	1.965	149.310	
31	303	0	3.358	3.358	0	1.965	0	
32	304	8	4.213	4.297	84	1.965	165.026	
33	305	8	2.989	3.152	163	1.965	320.230	
34	306	8	4.909	5.123	214	1.965	420.424	
35	307	PSHC	910	935		1.965	0	
36	308					1.965	0	
37	309	7	4.513	4.629	116	1.965	227.894	

38	310	8	3.611	3.755	144	1.965	282.902
39	311	8	4.170	4.277	107	1.965	210.212
40	312	8	3.970	4.089	119	1.965	233.787
41	313	8	4.313	4.410	97	1.965	190.566
42	314	8	3.580	3.689	109	1.965	214.141
43	401	8	2.473	2.547	74	1.965	145.380
44	402	8	3.142	3.271	129	1.965	253.433
45	403	8	4.954	5.066	112	1.965	220.035
46	404	8	2.994	3.159	165	1.965	324.159
47	405	8	3.359	3.476	117	1.965	229.858
48	406	8	5.816	5.870	54	1.965	106.088
49	407	8	2.947	3.028	81	1.965	159.133
50	408	8	3.496	3.649	153	1.965	300.584
51	409	8	3.646	3.821	175	1.965	343.805
52	410	8	4.472	4.623	151	1.965	296.655
53	411	8	4.045	4.158	113	1.965	222.000
54	412	8	3.693	3.822	129	1.965	253.433
55	413	8	3.588	3.723	135	1.965	265.221
56	414	8	3.201	3.413	212	1.965	416.495
57	501	8	1.525	1.675	150	1.965	294.690
58	502	8	2.676	2.794	118	1.965	231.823
59	503	8	2.754	2.889	135	1.965	265.221
60	504	8	2.755	2.850	95	1.965	186.637
61	505	8	2.261	2.352	91	1.965	178.779
62	506	8	2.405	2.637	232	1.965	455.787
63	507	8	2.069	2.178	109	1.965	214.141
64	508	8	1.859	1.919	60	1.965	117.876
65	509	8	2.313	2.399	86	1.965	168.956
66	510	8	3.195	3.247	52	1.965	102.159
67	511	8	2.411	2.528	117	1.965	229.858
68	512	8	2.099	2.217	118	1.965	231.823
69	513	8	2.292	2.407	115	1.965	225.929
70	514	8	2.087	2.206	119	1.965	233.787
Cộng		496			7.510		14.754.146

(Bảng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn một trăm bốn mươi sáu đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà